

UBND PHƯỜNG PHÚ LIÊN
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ, TĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN TRÊN ĐẤT CỦA HỘ DÂN CÓ ĐẤT NẪM TRONG CHỈ GIỚI
THU HỒI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG NGUYỄN LƯƠNG VỚI ĐƯỜNG TRẦN NHÂN TÔNG, QUẬN KIẾN AN (MAY LÀ PHƯỜNG PHÚ LIÊN)

(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Phú Liên)

Số TT	Họ và tên	Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m ²)	Bồi thường về đất (đồng)	Bồi thường cây cối hoa màu (đồng)	Các khoản hỗ trợ (đồng)	Tổng cộng (làm tròn) đồng	Tổng cộng kinh phí bồi thường chính phục vụ công tác BT, GPMB (làm tròn) đồng	Tổng cộng kinh phí BT, HT và chi phí bồi thường chính phục vụ công tác BT, GPMB (làm tròn) đồng
1	Trần Thành Tuấn đại diện (Bố là ông Trần Thành Châu đã chết)	1.807,60	234.988.000	18.076.000	1.264.876.400	1.517.940.000	30.359.000	1.548.299.000
2	Bùi Đức Dư đại diện (mẹ là bà Nguyễn Thị Sản đã chết)	1.026,90	133.497.000	10.269.000	746.414.100	890.180.000	17.804.000	907.984.000
3	Vũ Thị Thọ và chồng là Nguyễn Văn Nhượng	482,30	62.699.000	4.823.000	335.544.700	403.067.000	8.061.000	411.128.000
4	Hà Thị Khai đại diện (mẹ chồng là bà Trần Thị Yên đã chết)	575,30	74.789.000	5.753.000	399.621.700	480.164.000	9.603.000	489.767.000
5	Trương Thị Tuyết Phương đại diện (Bố là Trương Tấn Kiệt, mẹ là Phùng Thị Hồng đã chết)	352,00	45.760.000	0	0	45.760.000	915.000	46.675.000
6	Phạm Văn Giảng và vợ là Vũ Thị Gái	541,20	70.356.000	7.035.600	392.326.800	469.718.000	9.394.000	479.112.000
7	Nguyễn Hà Trung và vợ là bà Lê Thị Ngọc	210,90	27.417.000	3.596.650	158.270.100	189.284.000	3.786.000	193.070.000
8	Phạm Thị Thứ đại diện (chồng là ông Trần Thành Âm đã chết)	534,00	69.420.000	5.340.000	374.406.000	449.166.000	8.983.000	458.149.000
9	Trần Thành Bảo và vợ là bà Vi Thị Viên	552,50	71.825.000	5.525.000	393.632.500	470.983.000	9.420.000	480.403.000
10	Trần Thành Kiên đại diện (Mẹ là bà Vũ Thị Bích đã chết)	1.620,80	210.704.000	14.221.000	1.149.131.200	1.374.056.000	27.481.000	1.401.537.000
11	Khuyến Văn Lương (Khuyến Nguyễn Lương) và vợ là bà Lê Thị Hằng	129,20	16.796.000	2.015.520	95.498.800	114.310.000	2.286.000	116.596.000
12	Hoàng Văn Mão và vợ là bà Lê Thị Đông	82,50	10.725.000	825.000	60.082.500	71.633.000	1.433.000	73.066.000
13	Trần Thành Dẫn đại diện (mẹ là Đào Thị Mễ đã chết)	880,60	114.478.000	8.806.000	626.173.400	749.457.000	14.989.000	764.446.000
14	Nguyễn Thị Thu đại diện (chồng là ông Phạm Văn Phương đã chết)	243,40	31.642.000	2.434.000	170.942.600	205.019.000	4.100.000	209.119.000
15	Doãn Công Viên và vợ là bà Chu Thị Minh	81,00	10.530.000	1.053.000	88.209.000	99.792.000	1.996.000	101.788.000
16	Đào Việt Tân đại diện (Bố là ông Đào Việt Chiếm đã chết)	342,60	44.538.000	5.344.560	242.531.400	292.414.000	5.848.000	298.262.000

STT	Họ và tên	Diện tích khu hỏi thực hiện dự án (m ²)	Bồi thường về đất (đồng)	Bồi thường cây cối hoa màu (đồng)	Các khoản hỗ trợ (đồng)	Tổng cộng (làm tròn) đồng	Tổng cộng kinh phí hành chính phục vụ công tác BT, CPMB (làm tròn) đồng	Tổng cộng kinh phí BT, HT và chi phí hành chính phục vụ công tác BT, CPMB (làm tròn) đồng	Số
17	Phạm Hồng Hải đại diện (mẹ là bà Bùi Thị Anh đã chết)	868,70	112.931.000	11.293.100	601.774.300	725.998.000	14.520.000	740.518.000	
	Cộng	10.331,50	1.343.095.000	106.410.430	7.099.435.500	8.548.941.000	170.978.000	8.719.919.000	

Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ và CPHC:
Trong đó:
Kinh phí bồi thường, hỗ trợ
CPHC thực hiện công tác bồi thường

Tám tỷ bảy trăm mười chín triệu chín trăm mười chín nghìn đồng chẵn
Tám tỷ năm trăm bốn mươi tám triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng chẵn
Một trăm bảy mươi triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng chẵn

Kiên An, ngày 12 tháng 12 năm 2025

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ



TRƯỞNG PHÒNG
Bùi Thanh Phong



GIÁM ĐỐC
Lê Văn Thành Kiên